

Số: 13 /2010/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 01 tháng 4 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành Quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 81/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 394/TTg-KTN ngày 05/3/2010 về xử lý vướng mắc khi thực hiện Nghị định số 69/2009/NĐ-CP tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Theo đề nghị của liên Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính tại Tờ trình số 479/TTrLS-STNMT-TC ngày 31/3/2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các văn bản sau:

- Quyết định số 51/2007/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2007 về việc tiếp tục áp dụng khoản hỗ trợ tái định cư bằng tiền khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2007 về việc ban hành quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Quyết định số 70/2008/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2008 về quy định hỗ trợ cho các trường hợp bị Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường thiệt hại về đất;

- Quyết định số 98/2007/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2007 quy định mức kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Website Chính phủ;
- TTr TU, TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT và các Ủy viên UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo BR-VT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT-TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Sanh**

**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư  
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2010/QĐ-UBND  
ngày 01 /4/2010 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên và văn bản số 394/TTg-KTN ngày 05/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý vướng mắc khi thực hiện Nghị định số 69/2009/NĐ-CP tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

- Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

- Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Nghị định số 81/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp;

- Thông tư số 14 /2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

- Văn bản số 394/TTg-KTN ngày 05/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý vướng mắc khi thực hiện Nghị định số 69/2009/NĐ-CP tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Những chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mà Quy định này không quy định thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý đất đai.

2. Người sử dụng đất và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng đất.

## **Điều 3. Bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất**

Bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất bao gồm:

1. Bồi thường hoặc hỗ trợ đối với diện tích đất Nhà nước thu hồi;

2. Bồi thường hoặc hỗ trợ về tài sản có gắn liền với đất và các chi phí đầu tư vào đất bị Nhà nước thu hồi.

3. Hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và các hỗ trợ khác cho người bị thu hồi đất.

## **Điều 4. Các hình thức tái định cư**

Tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhà ở, đất ở mà phải di chuyển chỗ ở bằng các hình thức giao nhà ở, giao đất ở mới hoặc hỗ trợ bằng tiền để hộ gia đình, cá nhân tự lo chỗ ở mới.

## **Điều 5. Bố trí tái định cư**

1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi đất ở thì được bố trí tái định cư trong các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư).

b) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi.

c) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi.

d) Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống đủ điều kiện tách hộ hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và không có chỗ ở nào khác thì UBND cấp huyện căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương để giao đất tái định cư, nhưng không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi.

e) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi đất ở, phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác, nhưng diện tích đất ở bị thu hồi không đủ diện tích một lô tái định cư thì được bố trí một lô tái định cư.

(L)  
f) b(7)

2. Giá đất để tính tiền sử dụng đất đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện được tái định cư được áp dụng cùng một bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành khi tính bồi thường về đất.

3. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi, giải tỏa không thuộc đối tượng tái định cư, không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi bị thu hồi giải tỏa (*trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu giao đất ở*) thì được xem xét giao đất ở mới. UBND cấp huyện xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Giá đất để tính tiền sử dụng đất là giá đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm giao đất.

#### **Điều 6. Suất tái định cư tối thiểu**

Suất tái định cư tối thiểu đối với trường hợp giao nền đất ở tái định cư tại:

- Thành phố Vũng Tàu	: 105.000.000đ
- Thị xã Bà Rịa	: 72.000.000đ
- Các thị trấn và huyện Côn Đảo	: 64.000.000đ
- Các xã còn lại	: 37.000.000đ

### **Chương II**

#### **MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

#### **Điều 7. Hỗ trợ di chuyển**

1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ với mức như sau:

a) Di chuyển trong tỉnh:

- Tổng tài sản được bồi thường, hỗ trợ dưới 100 triệu đồng, được hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ (ba triệu đồng/01 hộ);
- Tổng tài sản được bồi thường, hỗ trợ từ 100 triệu đồng trở lên, được hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ (bốn triệu đồng/01 hộ).

b) Di chuyển sang tỉnh khác :

- Tổng tài sản được bồi thường, hỗ trợ dưới 100 triệu đồng, được hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ (năm triệu đồng/01 hộ);
- Tổng tài sản được bồi thường, hỗ trợ từ 100 triệu đồng trở lên, được hỗ trợ 7.000.000 đồng/hộ (bảy triệu đồng/01 hộ).

2. Tổ chức có đủ điều kiện được bồi thường thiệt hại về đất và tài sản khi bị thu hồi mà phải di chuyển cơ sở, được hỗ trợ chi phí thực tế về di chuyển, tháo

dỡ và lấp đặt. Tổ chức bị giải tỏa lập dự toán chi phí di chuyển trình Tổ chức làm công tác bồi thường thẩm định và trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp gặp khó khăn trong việc thẩm định dự toán chi phí di chuyển thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường được thuê cơ quan có chức năng thẩm định để xác định chi phí di chuyển trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định. Chi phí thẩm định do chủ đầu tư chi trả.

### **Điều 8. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở**

Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi nhà, đất để ở thuộc diện được bố trí tái định cư hoặc giao đất ở mới theo quy định này, trong thời hạn chờ giao đất tái định cư, nhận nhà tái định cư hoặc chờ giao đất ở mới được hỗ trợ tiền thuê nhà ở 1.500.000 đ/hộ/tháng.

Thời gian hỗ trợ được tính từ ngày bàn giao mặt bằng cho chủ dự án đến ngày nhận đất, nhà tái định cư hoặc chờ giao đất ở mới và còn được cộng thêm:

- Đối với các hộ nhận nhà hoàn thiện : 01 (một) tháng
- Đối với các hộ nhận nhà xây thô : 03 (ba) tháng
- Đối với các hộ nhận đất để tự xây dựng nhà : 06 (sáu) tháng

Trường hợp phải sửa chữa nhà được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 03 (ba) tháng. Trường hợp phải xây dựng mới trên phần đất còn lại được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 (sáu) tháng.

### **Điều 9. Hỗ trợ tái định cư bằng tiền**

Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi nhà, đất để ở thuộc diện được bố trí tái định cư hoặc giao đất ở mới mà không nhận đất tái định cư, nhận nhà tái định cư hoặc đất ở mới, trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP thì được nhận hỗ trợ tái định cư bằng tiền.

Số tiền hỗ trợ tái định cư bằng tiền được tính như sau : Mức hỗ trợ cho một m<sup>2</sup> bằng tổng dự toán đầu tư hạ tầng kỹ thuật của khu tái định cư được phê duyệt do ngân sách đầu tư chia cho tổng diện tích đất tái định cư của khu. Căn cứ nguyên tắc này tính toán mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án, từng địa bàn, từng thời điểm khác nhau. UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo, đề xuất mức hỗ trợ tái định cư bằng tiền của từng dự án cụ thể gửi Sở Tài chính chủ trì phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Xây dựng xác định trình UBND tỉnh phê duyệt.

### **Điều 10. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất**

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (kể cả đất vườn, ao và đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP) thì được hỗ trợ ổn định đời sống.

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng;

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại các điểm a và b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất, kinh doanh có đăng ký kinh doanh, mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh, thì được hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận.

Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận, trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan thuế.

Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân nộp thuế khoán hoặc không có báo cáo tài chính thì được xác định hỗ trợ 70% mức thuế khoán hộ gia đình, cá nhân đã nộp trong một năm.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ bằng tiền.

Mức hỗ trợ bằng 50% giá đất theo bảng giá các loại đất UBND tỉnh ban hành hàng năm, diện tích đất bồi thường theo thực tế thu hồi, nhưng không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

4. Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh có văn bản quy định cụ thể.

**Điều 11. Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở**

1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở có vị trí tương ứng của thửa đất đó theo quy định trong Bảng giá đất của tỉnh;

2. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở có vị trí tương ứng với đất thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất của tỉnh;

3. Hạn mức diện tích đất được hỗ trợ bằng 05 lần hạn mức giao đất ở trên địa bàn tỉnh tại thời điểm lập phương án bồi thường, nhưng không vượt quá diện tích đất bị thu hồi.

4. Xác định khu dân cư để tính hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư.

Khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP được xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của thôn, ấp và các điểm dân cư tương tự.

Do đặc điểm dân cư, tập quán sinh sống, sản xuất của nhân dân từng vùng UBND tỉnh giao cho UBND cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương quy định ranh giới thửa đất có nhà ở ngoài cùng của thôn, ấp và các điểm dân cư tương tự làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Việc xác định khu dân cư là do UBND cấp xã điều tra khảo sát để xác định ranh giới các khu dân cư, thông qua HĐND xã, trình UBND cấp huyện phê duyệt.

## **Điều 12. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm**

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP mà không có đất để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền cho diện tích đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 69/2009/NĐ-CP còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng tiền.

Mức hỗ trợ bằng 0,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thời gian áp dụng là năm 2010. Từ năm 2011 về sau, mức hỗ trợ này là 1,5 lần giá đất nông nghiệp.

2. Người trong độ tuổi lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 điều này có nhu cầu học nghề thì được hỗ trợ 01 lần kinh phí để học một nghề bằng hình thức cấp thẻ học nghề (không chi trả trực tiếp cho người lao động), mức hỗ trợ là 6.000.000 đồng/thẻ (sáu triệu đồng).

UBND cấp huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề đồng thời cùng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, mức phê duyệt bằng

6.000.000đ/thẻ (sáu triệu đồng) và chuyển về quỹ hỗ trợ của Tỉnh (qua Sở Lao động-Thương binh và Xã hội) để được cấp thẻ học nghề cho người lao động.

UBND cấp huyện lập danh sách các đối tượng có nhu cầu được đào tạo, học nghề chuyển về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để được đào tạo theo cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người bị thu hồi đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Hỗ trợ hộ nghèo**

Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo được công nhận theo chuẩn nghèo của UBND tỉnh, khi bị thu hồi nhà, đất thì ngoài việc được bồi thường như chính sách hiện hành còn được hỗ trợ để vượt nghèo hàng năm. Mức hỗ trợ bằng tiền cho một nhân khẩu tương đương 20kg gạo/tháng tính theo thời giá trung bình tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Thời gian hỗ trợ 05 năm, trả theo từng năm kể từ ngày bàn giao mặt bằng cho chủ dự án.

Đối với các dự án có nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh để lấy ý kiến cơ quan chủ quản đầu tư về tiêu chí hộ nghèo trước khi UBND cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

### **Điều 14. Hỗ trợ trong hành lang an toàn lưới điện thuộc trường hợp không thu hồi đất**

1. Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt trong hành lang an toàn lưới điện

Người sử dụng nhà ở, công trình đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ nằm dưới hành lang an toàn lưới điện thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ một phần do hạn chế khả năng sử dụng nhà ở, vật kiến trúc. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một lần như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật, trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang an toàn lưới điện.

Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 50% giá trị nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì không được bồi thường, hỗ trợ.

c) Nhà ở, công trình được xây dựng trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu chưa đáp ứng các điều kiện:

- Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy;

- Các kết cấu kim loại của nhà ở, công trình phải được nối đất theo quy định về kỹ thuật nối đất;

- Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các bộ phận công trình lưới điện cao áp;

- Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình đến dây dẫn điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách	3,0 m	4,0 m	6,0 m

- Cường độ điện trường  $\leq 5$  kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất một mét và  $\leq 1$  kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất một mét.

thì chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải chịu kinh phí và tổ chức thực hiện việc cải tạo nhằm đáp ứng các điều kiện trên;

d) Trường hợp chỉ bị phá dỡ một phần, phần còn lại vẫn tồn tại, sử dụng được và đáp ứng được các điều kiện quy định tại điểm c thì chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp có trách nhiệm chi trả, bồi thường phần giá trị nhà, công trình bị phá dỡ và chi phí cải tạo hoàn thiện lại nhà, công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ; Trường hợp không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c mà phải dỡ bỏ hoặc di dời, thì chủ sở hữu nhà ở, công trình được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của thu hồi đất

## 2. Bồi thường, hỗ trợ đối với đất trong hành lang an toàn lưới điện

Người sử dụng đất đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ nằm dưới hành lang an toàn lưới điện thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ một phần do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một lần như sau:

### a) Đối với đất ở, đất chuyên dùng:

Toàn bộ diện tích đất ở, đất chuyên dùng nằm trong hành lang an toàn lưới điện, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất của địa phương được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường, hỗ trợ của đất ở, đất chuyên dùng bị thu hồi cùng vị trí tương đương, theo quy định trong Bảng giá đất của địa phương.

### b) Đối với đất nông nghiệp:

Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nằm trong hành lang an toàn lưới điện, nhưng không vượt quá hạn mức giao đất của địa phương được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường của đất nông nghiệp bị thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất của địa phương.

c) Người sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ nằm dưới hành lang an toàn lưới điện thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất không được hỗ trợ.

## 3. Bồi thường đối với cây trồng trong và ngoài hành lang an toàn lưới điện

Người sử dụng cây trồng nằm dưới hành lang an toàn lưới điện thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một lần như sau:

a) Cây có trước khi thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp và trong hành lang an toàn lưới điện, nếu phải chặt bỏ và cấm trồng mới thì được bồi thường theo quy định hiện hành.

b) Cây có trước khi thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp và trong hành lang thuộc loại không phải chặt bỏ và cấm trồng như quy định tại điểm a hoặc cây ngoài hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn thì đơn vị quản lý vận hành có quyền kiểm tra, chặt, tỉa cây để đảm bảo an toàn cho đường dây dẫn điện trên không và thực hiện bồi thường theo quy định;

4. Ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ theo khoản 1, khoản 2 điều này, nếu chủ sở hữu nhà ở tự tìm được đất ở mới và có nguyện vọng di chuyển khỏi hành lang an toàn lưới điện, thì tự thực hiện việc di chuyển và được hỗ trợ chi phí di chuyển theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

#### **Điều 15. Bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng khác**

1. Mức bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng khác thuộc điểm a, khoản 2, Điều 24, Nghị định 69/2009/NĐ-CP :

$$\text{Mức bồi thường} = \text{Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại} + (\text{Giá trị xây mới} - \text{Giá trị hiện có}) \times 60\%$$

2. Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, mà phần còn lại không còn sử dụng được thì được bồi thường cho toàn bộ nhà, công trình. Trường hợp nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì được bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ và được hỗ trợ chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ.

Mức hỗ trợ chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại qui định như sau:

- Nhà tạm	: 3.000.000 đ/căn nhà
- Nhà cấp 4	: 6.000.000 đ/căn nhà
- Nhà cấp 3	: 9.000.000 đ/căn nhà
- Nhà cấp 2 trở lên	: 12.000.000 đ/căn nhà.

#### **Điều 16. Bồi thường về di chuyển mồ mã**

1. Đối với việc di chuyển mồ mã, mức tiền bồi thường được quy định như sau:

- Mộ đất	: 2.000.000 đồng/mộ
- Mộ xây bán kiên cố	: 4.000.000 đồng/mộ
- Mộ xây kiên cố	: 6.000.000 đồng/mộ.

2. Đối với việc di chuyển mồ mã vắng chủ thì chủ dự án hợp đồng với cơ quan mai táng của địa phương tổ chức bốc mộ, cải táng trên cơ sở mức chi theo quy định tại khoản 1 điều này.

### **Điều 17. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

1. Kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được trích 2% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án. Tổ chức phát triển quỹ đất, Ban bồi thường và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện khi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho nhiều dự án trên địa bàn, thì được phép điều hòa mức kinh phí được trích giữa các dự án để sử dụng cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, phù hợp với khối lượng công việc thực tế phải thực hiện đối với từng dự án, nhưng không vượt quá số kinh phí được trích theo quy định.

Đối với các khoản chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với các khoản chi chưa có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá thì lập dự toán theo thực tế cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và đặc điểm của từng dự án.

2. Kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phân bổ như sau :

a) Đối với dự án do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng :

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện : 10%
- Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện : 65%
- Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện : 13%
- Chủ đầu tư dự án : 5%
- Xã, phường, thị trấn : 5%
- Sở Tài nguyên và Môi trường : 2%

Trường hợp dự án có vốn đầu tư nước ngoài thì chi phí 5% của chủ dự án phân bổ cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện để chi phí.

b) Đối với dự án do Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng :

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện : 15%
- Tổ chức phát triển quỹ đất : 65%
- Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện : 13%
- Xã, phường, thị trấn : 5%
- Sở Tài nguyên và Môi trường : 2%

c) Đối với các dự án dở dang trường hợp chưa phân bổ kinh phí thì áp dụng phân bổ theo các điểm a, b ở trên.

**Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

Trường hợp thu hồi đất liên quan từ hai huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên thì phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lập theo ranh giới hành chính cấp huyện. UBND tỉnh ủy quyền cho UBND cấp huyện của 02 nơi có đất bị thu hồi phê duyệt sau khi phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

**Điều 19. Về chi trả bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư**

Việc chi trả bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư quy định tại khoản 3 Điều 31 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP đối với các dự án đang dở thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 20. Chế độ báo cáo**

UBND cấp huyện, Trung tâm phát triển quỹ đất cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho UBND tỉnh vào ngày 15 hàng quý. Giao sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 21. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm báo cáo và đề xuất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Sanh**